

Bản án số: 08/2025/LĐ-ST
Ngày: 16-7-2025
V/v Tranh chấp về tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu – Nguyên Trưởng Phòng lao động thương binh và xã hội thành phố Thuận An;
2. Phạm Thị Thu Yến – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 105/2025/TLST–LĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp về tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2025/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2025/QĐST-LĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1989; nơi thường trú: 39/10/5/1A Đường A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần T2, địa chỉ: Đường Đ, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:*

Nguyên đơn trước đây, ông Võ Văn T làm việc cho Công ty cổ phần T2 và hậu cần Logiinds với chức vụ T1 nhóm Chứng từ theo hợp đồng thử việc được ký giữa ông Võ Văn T và công ty này số: 008884-09/2023-Logiinds/HDTV từ ngày 04/09/2023 đến ngày 04/11/2023. Sau khi ký hợp đồng ông Võ Văn T nhận được thông báo làm việc tại văn phòng của công ty tại 2 đường N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 04/11/2023, hết thời

gian thử việc nhưng phía công ty không ký hợp đồng chính thức, đến ngày 22/11/2023 công ty gửi email chấm dứt làm việc với ông Võ Văn T tại công ty. Theo hợp đồng thử việc được ký thời gian công ty thanh toán lương hàng tháng cho ông Võ Văn T vào ngày 05 đến ngày 10 của tháng tiếp theo. Đến thời gian thanh toán tiền lương như thỏa thuận ông Võ Văn T đã liên lạc và gửi email yêu cầu công ty thanh toán đúng như thỏa thuận tại hợp đồng nhưng phía công ty không thực hiện sau nhiều lần liên hệ Công ty T2 đã thanh toán cho ông Võ Văn T 10.000.000 đồng.

Do đó, ông Võ Văn T khởi kiện: Yêu cầu Công ty cổ phần T2 thanh toán lương cho ông Võ Văn T như sau:

-Lương tháng 9/2023: 11.962.149 đồng;

-Lương tháng 10/2023: 16.443.000 đồng;

-Lương tháng 11/2023: 16.443.000 đồng

Tổng cộng: 48.848.149 đồng.

-Tiền bồi thường hợp đồng theo quy định tại Điều 41 của Bộ Luật Lao động về việc công ty tự ý chấm dứt hợp đồng là 03 tháng lương số tiền: 49.329.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu công ty thanh toán lương tháng 11/2023 là: 16.443.000 đồng và rút tiền bồi thường hợp đồng theo quy định tại Điều 41 của Bộ Luật Lao động về việc công ty tự ý chấm dứt hợp đồng là 03 tháng lương số tiền: 49.329.000 đồng và do bị đơn đã thanh toán 10.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc công ty T2 thanh toán tiền lương tháng 9, 10/2023 với số tiền là: 18.405.149 đồng.

Do Công ty cổ phần T2 vắng mặt không thiện chí và hợp tác để hòa giải, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về tiền lương” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty cổ phần T2 có trụ sở địa chỉ: Số C khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của Công ty trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 11/2023 là: 16.443.000 đồng và rút tiền bồi thường hợp đồng theo quy định tại Điều 41 của Bộ Luật Lao động về việc công ty tự ý chấm dứt hợp đồng là 03 tháng lương số tiền: 49.329.000 đồng và thay đổi số tiền lương yêu cầu bị đơn thanh toán. Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào trình bày của các đương sự. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xác định: Đầu tháng 9/2023 đến tháng đầu tháng 11/2023 ông Võ Văn T có làm việc cho Công ty cổ phần T2 và hậu cần Logiinds với chức vụ T1 nhóm chứng từ theo hợp đồng thử việc số: 008884-09/2023-Logiinds/HDTV. Sau khi ký hợp đồng ông T làm việc tại văn phòng của công ty tại 2 đường N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 04/11/2023, hết thời gian thử việc nhưng phía công ty không ký hợp đồng chính thức với ông Võ Văn T. Đến ngày 22/11/2023 công ty gửi email chấm dứt quá trình làm việc của ông Võ Văn T tại công ty và ông T đồng ý nghỉ việc tại công ty. Theo hợp đồng thử việc được ký, thời gian công ty thanh toán lương hàng tháng cho ông Võ Văn T vào ngày 05 đến ngày 10 của tháng tiếp theo. Ông Võ Văn T đã liên lạc nhiều lần yêu cầu công ty thanh toán tiền lương theo thông báo chi tiết thu nhập tháng 09.2023 là 11.962.149 đồng và tháng 10.2023 là 16.443.000 đồng. Tổng cộng số tiền lương bị đơn còn nợ là 28.405.149 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán 10.000.000 đồng. Do đó nguyên đơn khởi kiện buộc công ty T2 thanh toán tiền lương tháng tháng 9, 10/2023 với số tiền là: 18.405.149 đồng. Như vậy, số tiền lương bị đơn còn thiếu thì bị đơn phải có trách nhiệm trả nguyên đơn theo quy định Điều 95 Bộ luật Lao động “1. Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thỏa thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc”.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 32, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 90, 94 và 95 Bộ luật Lao động năm 2019;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T đối với Công ty cổ phần T2 về việc “Tranh chấp về tiền lương”.

- Buộc Công ty cổ phần T2 có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn T tiền lương tháng 09/2023 và tháng 10/2023 là 18.405.149 đồng (mười tám triệu bốn trăm lẻ năm nghìn một trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thi

hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;

- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh